

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA**

Số: 2603.01/2021/CV-HVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**
- Mã chứng khoán: **HVA**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Điện thoại: 02923.826.688 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **VƯƠNG LÊ VĨNH NHÂN**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc – Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu
- **Nội dung thông tin công bố:** Công ty cổ phần Đầu tư HVA Công bố Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Công văn giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo biến động hơn 10% so với báo cáo cùng kỳ năm 2019.
- Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA ngày 26/03/2021 tại địa chỉ: <https://hva.group/category/quan-he-co-dong/thong-tin-chung>
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư;

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN





Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thành viên Hàng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Giám đốc



Vương Lê Vĩnh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trí
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 296 /BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư HVA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến. Cơ sở của việc kiểm toán viên năm trước từ chối đưa ý kiến và vấn đề xử lý của kiểm toán viên năm nay như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 49.790.000.000 đồng, trong đó: kiểm toán viên đã không thu thập được thư xác nhận khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết số tiền 28.000.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là báo cáo tài chính chưa kiểm toán của bên nhận đầu tư và kiểm toán viên không tiếp cận được hồ sơ kế toán liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn số tiền 789.431.246 đồng.

Trong năm tài chính 2020, Công ty đã tiến hành thoái vốn và thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư với tổng giá trị là 49.790.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, đồng thời hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập số tiền 789.431.246 đồng. Chúng tôi cũng đã thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của các khoản đầu tư trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản đặt cọc bằng tiền mặt là 15.500.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng số 2108/2018/HĐDC-HVA ngày 21 tháng 08 năm 2018 với giá trị thoả thuận ban đầu không quá 28.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, hoạt động chuyển nhượng chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm tài chính 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư HVA và Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ đã thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ trả lại số tiền đã nhận đặt cọc là 15.500.000.000 đồng và bồi thường 200.000.000 đồng vi phạm hợp đồng cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản. Chúng tôi cũng đã thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của khoản đặt cọc trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 do chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán thời điểm đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại quỹ của Công ty, đồng thời thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá tính đúng đắn của số dư tiền mặt tại ngày 01 tháng 01 năm

- Kiểm toán viên đã không thu thập được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu tương ứng 90,71% tổng nợ phải thu, đồng thời không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để chứng minh cho tính hiện hữu của số dư các khoản nợ phải thu.

Tại thời điểm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục gửi thư xác nhận và đã thu thập đầy đủ thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.350.139.373	3.338.994.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	752.409.920	410.681.381
1. Tiền	111		752.409.920	410.681.381
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.572.270.175	2.912.500.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.880.587.661	10.252.529.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	15.876.760.000	46.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	-	500.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.185.077.486)	(7.886.779.486)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.459.278	15.812.776
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.801.293	11.154.791
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	4.657.985	4.657.985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.001.177.082	64.506.079.176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	15.500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-	15.500.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	9.000.000.000	49.000.568.754
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	43.790.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.000.000.000	6.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(789.431.246)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.177.082	5.510.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.177.082	5.510.422
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		63.351.316.455	67.845.073.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.187.866.704	11.844.866.704
I. Nợ ngắn hạn	310		4.187.866.704	6.343.366.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.433.873.520	3.433.873.520
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	20.093.705	20.093.705
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	127.800.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	733.899.479	753.899.479
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	-	2.007.700.000
II. Nợ dài hạn	330		-	5.501.500.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	-	5.501.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.163.449.751	56.000.206.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	59.163.449.751	56.000.206.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.500.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	(106.363.636)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.769.813.387	(393.429.735)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(393.429.735)	397.318.389
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.163.243.122	(790.748.124)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		63.351.316.455	67.845.073.333


Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởngVương Lê Vinh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	103.424.755.595	650.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		103.424.755.595	650.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	17	102.893.593.623	595.304.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		531.161.972	54.695.330
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		273.693	13.256
7. Chi phí tài chính	22	18	(917.050.079)	(751.403.806)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(127.618.833)	154.419.726
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	(1.514.763.755)	1.846.350.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.963.249.499	(1.040.238.124)
11. Thu nhập khác	31	20	200.000.000	250.000.000
12. Chi phí khác	32		6.377	510.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		199.993.623	249.490.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.163.243.122	(790.748.124)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.163.243.122	(790.748.124)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	560	(140)


Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởngVương Lê Vĩnh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.796.697.420	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(118.804.099.000)	(345.935.010)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(58.800.000)	(70.700.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(181.167)	(26.619.726)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.610.502.000	870.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(483.464.407)	(511.707.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(32.939.345.154)</i>	<i>(84.961.736)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(28.600.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		69.390.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		273.693	13.256
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>40.790.273.693</i>	<i>13.256</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		66.500.000	1.130.500.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.575.700.000)	(848.793.113)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(7.509.200.000)</i>	<i>281.706.887</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>341.728.539</i>	<i>196.758.407</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		410.681.381	213.922.974
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>752.409.920</u>	<u>410.681.381</u>

Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng



Vương Lê Vĩnh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104659943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 56.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 56.500.000.000 đồng; tương đương 5.650.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư tài chính và Kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính và Kinh doanh cà phê hạt khô.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	45.997.883	407.173.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	706.412.037	3.507.991
	<u>752.409.920</u>	<u>410.681.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	43.790.000.000	(156.971.449)
Công ty CP Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO	-	-	28.000.000.000	-
Công ty CP Thạch Thành Xuân	-	-	15.790.000.000	(156.971.449)
Đầu tư vào đơn vị khác	9.000.000.000	-	6.000.000.000	(632.459.797)
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC	-	-	6.000.000.000	(632.459.797)
Công ty CP Citipass	9.000.000.000	-	-	-
	9.000.000.000	-	49.790.000.000	(789.431.246)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	4.521.165.000
Công ty CP Nông nghiệp Sao Xanh	-	1.489.952.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty CP Sapa Inspiration	12.518.500.000	-
Công ty TNHH Highland Sourcing	23.552.010.175	-
Các khoản phải thu khác	38.912.486	991.412.486
	43.880.587.661	10.252.529.486

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Nông nghiệp Sao Xanh	8.692.700.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Minh Thắng	7.047.310.000	-	-	-
Trả trước khác	136.750.000	-	46.750.000	-
	15.876.760.000	-	46.750.000	-

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	-	-	500.000.000	-
	-	-	500.000.000	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ (*)	-	-	15.500.000.000	-
	-	-	15.500.000.000	-

(*) Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty Cổ phần Đầu tư HVA và Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ theo Hợp đồng số 2108/2018/HĐDC-HVA ngày 21 tháng 08 năm 2018 để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với giá trị thỏa thuận ban đầu không quá 28.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ đề xuất giá trị chuyển nhượng cao hơn giá trị thẩm định giá với giá trị 30.000.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ trả lại số tiền đã nhận đặt cọc là 15.500.000.000 đồng và bồi thường 200.000.000 đồng vi phạm hợp đồng cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***10 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	-	4.521.165.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Sao Xanh (*)	-	-	1.489.952.000	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC (*)	-	-	302.500.000	90.750.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt (**)	3.250.000.000	1.625.000.000	3.250.000.000	1.625.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	-	38.912.486	-
	<u>7.810.077.486</u>	<u>1.625.000.000</u>	<u>9.602.529.486</u>	<u>1.715.750.000</u>

(*) Trong kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC đã thanh toán cho Công ty khoản nợ phải thu khó đòi từ nhiều năm trước bằng hình thức chuyển khoản;

(**) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt hiện tại không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hải Sơn	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
Phải trả khác	85.500.000	85.500.000	85.500.000	85.500.000
	<u>3.433.873.520</u>	<u>3.433.873.520</u>	<u>3.433.873.520</u>	<u>3.433.873.520</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	20.093.705	-	-	20.093.705
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	20.093.705	3.000.000	3.000.000	20.093.705

b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.754.761	-	-	1.754.761
Thuế Thu nhập cá nhân	2.903.224	-	-	2.903.224
	4.657.985	-	-	4.657.985

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	40.327.700	40.327.700
Bảo hiểm xã hội	70.921.779	70.921.779
Bảo hiểm y tế	14.715.000	14.715.000
Bảo hiểm thất nghiệp	6.390.000	7.935.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	600.000.000	620.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.545.000	-
	733.899.479	753.899.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Công ty CP Quản lý Tài sản số (DAMH)	1.300.000.000	1.300.000.000	66.500.000	1.366.500.000	-	-
Công ty CP Trustpay	350.000.000	350.000.000	66.500.000	416.500.000	-	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	950.000.000	950.000.000	-	950.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	707.700.000	707.700.000	-	707.700.000	-	-
Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền	707.700.000	707.700.000	-	707.700.000	-	-
	2.007.700.000	2.007.700.000	66.500.000	2.074.200.000		
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
<i>Vay dài hạn</i>						
Ông Nguyễn Khánh Toàn	5.501.500.000	5.501.500.000	-	5.501.500.000	-	-
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
Ông Trần Duy Sơn	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
	101.500.000	101.500.000	-	101.500.000	-	-
	5.501.500.000	5.501.500.000		5.501.500.000		
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	707.700.000	707.700.000				
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	4.793.800.000	4.793.800.000				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất cho vay theo kế ước (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2020 VND	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Chi nhánh Ngô Quyền	1.500.000.000	19,26%	Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp theo Hợp đồng bảo lãnh số 120617-3526675-01-SME/HDBL ngày 19/06/2017 trong thời hạn 36 tháng để thanh toán tiến mua hàng hoá	-	-

c) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ		31/12/2020		01/01/2020	
	Góc VND	Lãi VND	Góc VND	Lãi VND	Góc VND	Lãi VND
Công ty CP Quản lý Tài sản số (DAMH)	-	-	350.000.000	-	-	-
Công ty CP Trustpay	-	-	-	-	950.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Toàn	-	-	-	-	5.000.000.000	-
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	-	-	-	-	400.000.000	-
					6.700.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2019				
Tại ngày 01/01/2019	56.500.000.000	(106.363.636)	397.318.389	56.790.954.753
Lãi trong năm	-	-	(790.748.124)	(790.748.124)
Tại ngày 31/12/2019	56.500.000.000	(106.363.636)	(393.429.735)	56.000.206.629
Năm 2020				
Tại ngày 01/01/2020	56.500.000.000	(106.363.636)	(393.429.735)	56.000.206.629
Lãi trong năm	-	-	3.163.243.122	3.163.243.122
Tại ngày 31/12/2020	56.500.000.000	(106.363.636)	2.769.813.387	59.163.449.751

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	6,9%	3.873.000.000	6,9%	3.873.000.000
Ông Nguyễn Minh Duy	6,8%	3.828.210.000	6,8%	3.828.210.000
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	5,3%	2.989.400.000	5,3%	2.989.400.000
Ông Nguyễn Quang Lâm	4,7%	2.666.000.000	4,7%	2.666.000.000
Bà Ma Thị Thùy	4,5%	2.549.000.000	4,5%	2.549.000.000
Ông Lê Hoài Nam	4,1%	2.321.000.000	4,1%	2.321.000.000
Bà Đỗ Thị Lệ Hằng	3,2%	1.795.000.000	3,2%	1.795.000.000
Các cổ đông khác	64,6%	36.478.390.000	64,6%	36.478.390.000
	100%	56.500.000.000	100%	56.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	56.500.000.000	56.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	103.424.755.595	650.000.000
	<u>103.424.755.595</u>	<u>650.000.000</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)</i>	<u>9.198.670.000</u>	<u>-</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.893.593.623	595.304.670
	<u>102.893.593.623</u>	<u>595.304.670</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay (*)	(127.618.833)	154.419.726
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(789.431.246)	(905.823.532)
	<u>(917.050.079)</u>	<u>(751.403.806)</u>

(*) Ngày 18/12/2020, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - PGD Trung tâm xử lý nợ pháp lý (VPBank) đã có Thông báo số 1268/2020/CV-VPB gửi Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (HVA) thông báo tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 07/12/2020 của HVA là 1.100.968.830 đồng, trong đó nợ gốc là 707.700.000 đồng và nợ lãi là 393.268.830 đồng.

Sau khi được cấp có thẩm phê duyệt, VPBank đồng ý miễn giảm cho HVA số tiền nợ lãi là 393.268.830 đồng, trong đó lãi vay đã ghi nhận vào chi phí năm 2019 là 127.618.833 đồng.

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.333.340	25.334.252
Chi phí nhân công	58.800.000	70.700.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(1.701.702.000)	1.606.726.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.564.271	89.590.264
Chi phí khác bằng tiền	16.240.634	51.000.000
	<u>(1.514.763.755)</u>	<u>1.846.350.516</u>

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu từ phạt vi phạm thực hiện hợp đồng	200.000.000	250.000.000
	<u>200.000.000</u>	<u>250.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.163.243.122	(790.748.124)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	510.000
- Chi phí không được trừ	-	510.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.163.243.122)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.163.243.122)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.163.243.122	(790.748.124)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.163.243.122	(790.748.124)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.650.000	5.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	560	(140)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.333.340	-
Chi phí nhân công	58.800.000	70.700.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.564.081	102.935.896
Chi phí khác bằng tiền	19.240.634	65.988.620
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	186.938.055	239.624.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	752.409.920	-	410.681.381	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.880.587.661	(6.185.077.486)	26.252.529.486	(7.886.779.486)
Đầu tư dài hạn	9.000.000.000	-	49.790.000.000	(789.431.246)
	<u>53.632.997.581</u>	<u>(6.185.077.486)</u>	<u>76.453.210.867</u>	<u>(8.676.210.732)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	7.509.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.167.772.999	4.187.772.999
Chi phí phải trả	-	127.800.000
	<u>4.167.772.999</u>	<u>11.824.772.999</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	752.409.920	-	-	752.409.920
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.580.558.175	9.300.029.486	-	43.880.587.661
Đầu tư dài hạn	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
	35.332.968.095	18.300.029.486	-	53.632.997.581
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	410.681.381	-	-	410.681.381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.650.000.000	9.602.529.486	-	26.252.529.486
Đầu tư dài hạn	-	49.790.000.000	-	49.790.000.000
	17.060.681.381	59.392.529.486	-	76.453.210.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	-	4.167.772.999	-	4.167.772.999
	<u>-</u>	<u>4.167.772.999</u>	<u>-</u>	<u>4.167.772.999</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	7.509.200.000	-	-	7.509.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	753.899.479	3.433.873.520	-	4.187.772.999
Chi phí phải trả	127.800.000	-	-	127.800.000
	<u>8.390.899.479</u>	<u>3.433.873.520</u>	<u>-</u>	<u>11.824.772.999</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty là đầu tư tài chính và kinh doanh hạt cà phê khô, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh là kinh doanh hạt cà phê khô chiếm trên 90% tổng doanh thu của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14).

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Akie Việt Nam	Ông Nguyễn Khánh Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT trong kỳ là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Akie Việt Nam	9.198.670.000	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	-	-

Trong năm tài chính 2019 và 2020, Công ty không phát sinh chi trả các khoản lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác đối với các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.


Phạm Thị Thu Lương
Người lập


Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng



Vương Lê Vĩnh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính

Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình,
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Tel: (+84 24) 3868 9566
(+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248

Chi nhánh Quảng Ninh

Tổ 4, khu 4, P. Giếng Đáy,
TP Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030

Văn phòng ĐKKV miền Trung

Tầng 2 số nhà 209 đường
Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030
Website: kiemtoanava.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5 số 47/2/57 Bùi Đình Túy,
Phường 24, Quận Bình Thạnh,
TP HCM
Tel: (+84 0283) 510 8986

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (Mã chứng khoán HVA) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hợp tác và giúp đỡ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời gian qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (HVA) xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với năm 2019.

Liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 3.163 triệu đồng tăng so với năm 2019 là 2.373 triệu đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư HVA xin giải trình nguyên nhân như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch Năm 2020 - Năm 2019	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng	531.161.972	54.695.330	476.466.642	90%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	273.693	13.256	260.437	95%
3	Chi phí tài chính	-917.050.079	-751.403.806	165.646.273	18%
4	Chi phí bán hàng				
5	Chi phí quản lý	-1.514.763.755	1.846.350.516	-331.586.761	-22%
6	Lợi nhuận khác	199.993.623	249.490.000	-49.496.377	-25%
7	Chi phí thuế TNDN				
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.163.243.122	-790.748.124	2.372.494.998	75%

Lý do chủ yếu của biến động này là do doanh thu trong năm 2020 của công ty tăng lên. Trong năm 2020 công ty đã bổ sung ngành nghề, mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty đã chuyển đổi hình thức đầu tư cho hiệu quả phù hợp hơn với công ty mang lại hiệu quả kinh tế. Trong năm 2020 công ty HVA đã thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi từ nhiều năm trước.

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA xin giải trình với UBCK Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thông báo cho các Cổ đông được biết.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẦU TƯ
HVA
VƯƠNG LÊ VINH NHÂN